

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 140/2025/HS-PT
Ngày: 01-12-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư; Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Trần Hữu V do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Hữu V, sinh năm: 2000 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); số định danh cá nhân: 080200000678; nơi cư trú: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Á và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án số 32/2022/HSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày 22/7/2022; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 13/2025/HS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách về tội “Buôn bán hàng cấm”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 32/2022/HSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 07 năm tù; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 11/5/2024, Công an huyện C phối hợp cùng Công an tỉnh B phát hiện Trần Hữu V điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 chở thuốc lá đến số nhà C, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre giao cho Nguyễn Thị Ngọc H nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra, H và V khai nhận: Vào khoảng 11 giờ ngày 11/5/2024, Nguyễn Thị Ngọc H sử dụng số thuê bao điện thoại 0333231055 liên lạc với một người nam thanh niên (không rõ thông tin, lai lịch) để đặt mua 3.000 bao thuốc lá hiệu “SCOTT” với giá 130.000 đồng/cây (10 bao) để bán lại kiếm lời và hẹn địa điểm giao nhận thuốc lá tại nhà của H thuộc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau đó, Trần Hữu V được một người thanh niên tên T1 (không rõ địa chỉ) mà V có quen biết từ trước thuê điều khiển xe ô tô vận chuyển thuốc lá điếu đến giao cho H. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, V điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 từ huyện Đ, tỉnh Long An đến nhà của H giao thuốc lá điếu, khi V và H đang di chuyển các túi nylon màu đen bên trong chứa thuốc lá điếu từ trên xe vào nhà của H thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ bên trong các túi nylon là 4320 (bốn nghìn ba trăm hai mươi) bao thuốc lá điếu gồm 1000 bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” và 3320 bao thuốc lá nhãn hiệu “SCOTT”. H chưa trả tiền mua thuốc lá cho V.

Ngoài ra, trước khi bị bắt quả tang H và V còn thực hiện 03 lần buôn bán thuốc lá điếu nhãn hiệu “SCOTT”, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 4/2024, H có nhu cầu mua thuốc lá điếu về bán kiếm lời nên nhớ lại trước đây H được một người khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) cho số điện thoại của một người bán thuốc lá điếu, H sử dụng số thuê bao điện thoại 0333231055 của mình liên lạc với một người nam thanh niên (không rõ thông tin, lai lịch) đặt mua 3.000 bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” với giá 140.000 đồng mỗi cây (10 bao). Sau đó, V được người nam thanh niên tên T1 thuê điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 vận chuyển 3.000 (ba nghìn) bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” đến giao bán cho H. Giao thuốc lá xong H đã trả số tiền 42.000.000 đồng cho V. Khi đi về trả xe ô tô cho T1, V lấy số tiền 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, số tiền còn lại là 41.000.000 đồng V để trong xe ô tô cho T1. Số thuốc lá điếu mua được H bán lại với giá 145.000 đồng mỗi cây, với tổng số tiền là 43.500.000 đồng.

- Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng một tuần, H tiếp tục sử dụng số thuê bao điện thoại 0333231055 của mình liên lạc với một người nam thanh niên (không rõ thông tin, lai lịch) đặt mua 3.000 (ba nghìn) bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” với giá 130.000 đồng mỗi cây (10 bao). Sau đó, V được T1 thuê điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 vận chuyển 3.000 (ba nghìn) bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” từ huyện Đ, tỉnh Long An đến giao cho H. Giao thuốc lá xong H đã trả cho V số tiền

39.000.000 đồng. V nhận tiền công là 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, số tiền còn lại là 38.000.000 đồng V đưa cho T1. Số thuốc lá điều mua được H bán lại với giá 135.000 đồng mỗi cây, với tổng số tiền là 40.500.000 đồng.

- Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng một tuần, H tiếp tục sử dụng số thuê bao điện thoại 0333231055 liên lạc với một người nam thanh niên (không rõ thông tin, lai lịch) đặt mua 3.000 bao thuốc lá điều hiệu “SCOTT” với giá 130.000 đồng mỗi cây (10 bao). Sau đó, V được T1 thuê điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 vận chuyển 3.000 bao thuốc lá điều hiệu “SCOTT” đến giao cho H. Giao thuốc lá xong H đã trả cho V số tiền 39.000.000 đồng. Số tiền này V đưa hết cho T1, V chưa nhận tiền công. Số thuốc lá điều mua được H bán lại với giá 135.000 đồng mỗi cây, với tổng số tiền là 40.500.000 đồng.

Tại Công văn số 91/CV-2024 HHTLVN ngày 13/5/2024 của H1 về việc thẩm định thuốc lá điều ngoại nhập lậu thì 4.320 bao thuốc lá điều có nhãn hiệu: JET (1.000 bao) và SCOTT (3.320 bao) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cung cấp là thuốc lá điều nhập lậu.

Theo Kết luận giám định số 909/2024/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận đối với dữ liệu điện tử trên các điện thoại di động của Nguyễn Thị Ngọc H, Trần Hữu V và Nguyễn Trọng T1: Trích xuất dữ liệu về danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn SMS, Z, F, T2 lưu trong 02 (hai) điện thoại gửi giám định (Ký hiệu A1 và A3), 04 (bốn) thẻ sim có dãy số: ‘8401220950118960’, ‘8984048000918 202641’, ‘8401230524228829’ và ‘8984048000320649363’, chụp ảnh màn hình hiển thị dữ liệu của điện thoại gửi giám định (Ký hiệu A2). Tất cả dữ liệu trích xuất, chụp ảnh được lưu trong 01 (một) tập tin (folder) kèm theo kết luận giám định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 10-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long) đã tuyên bố bị cáo Trần Hữu Vi phạm T3 “Buôn bán hàng cấm”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 32/2022/HSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2024. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/3/2025, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Tại Bản án số hình sự phúc thẩm số 37/2025/HS-PT ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long) đã tuyên: Hủy

một phần Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đối với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H để xét xử lại theo thủ tục chung. Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H.

Tại Bản án số 09/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long đã tuyên: Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Hữu V phải nộp sung quỹ nhà nước thêm số tiền 118.000.000 đồng (một trăm mười tám triệu đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng khác và biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H.

Ngày 23/9/2025, bị cáo Trần Hữu V kháng cáo yêu cầu xem xét số tiền 118.000.000 đồng (một trăm mười tám triệu đồng) buộc bị cáo nộp sung vào ngân sách nhà nước vì sau khi nhận tiền từ bị cáo H, bị cáo chỉ nhận tiền công 2.000.000 đồng và đã nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước, còn lại số tiền 118.000.000 đồng bị cáo đã đưa cho chủ xe là anh T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hữu V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Buộc bị cáo Trần Hữu V giao nộp số tiền do phạm tội mà có và thu lợi bất chính 118.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền 118.000.000 đồng bị cáo đã giao lại hết cho anh T1, trong khi anh T1 hiện nay đang trốn truy nã.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Hữu V khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định: Vào khoảng 11 giờ ngày 11/5/2024, Nguyễn Thị Ngọc H đã điện thoại liên lạc để mua 3.000 bao thuốc lá hiệu SCOTT với giá 130.000 đồng/cây (10 bao), cùng ngày Trần Hữu V

được một người thanh niên tên T1 mà V có quen biết từ trước thuê điều khiển xe ô tô biển số 60A-761.93 vận chuyển từ huyện Đ, tỉnh Long An đến ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre giao cho H 4.320 bao thuốc lá điếu gồm 1.000 bao thuốc lá nhãn hiệu “JET” và 3.320 bao thuốc lá nhãn hiệu “SCOTT”. Khi cả hai đang vận chuyển thuốc lá điếu vào nhà H thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật. Hai bên chưa giao nhận tiền mua bán. Tại Công văn số 91/CV-2024 HHTLVN ngày 13/5/2024 của H1 về việc thẩm định thuốc lá điếu ngoại nhập lậu thì 4.320 bao thuốc lá điếu có nhãn hiệu JET (1.000 bao) và SCOTT (3.320 bao) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cung cấp là thuốc lá điếu nhập lậu. Ngoài ra, trong quá trình điều tra H và V còn khai nhận trước đó đã có 03 lần buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu với nhau, cụ thể: Vào khoảng đầu tháng 4/2024, V chở đến nhà H tại ấp T, xã H, huyện C bán cho H 3.000 bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” với giá 140.000 đồng/cây (10 bao), H đã trả số tiền 42.000.000 đồng, V lấy 1.000.000 đồng để tiêu xài và cho rằng đã đưa cho T1 41.000.000 đồng, số thuốc lá này H bán lại được 43.500.000 đồng. Tiếp đến cách một tuần cũng với hành vi như trên V đã bán cho H 3.000 bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” với giá 39.000.000 đồng, V lấy 1.000.000 đồng tiêu xài và cho rằng đã đưa cho T1 38.000.000 đồng, lần này H bán lại được 40.500.000 đồng. Cách một tuần sau nữa, V bán cho H 3.000 bao thuốc lá điếu hiệu “SCOTT” giá 39.000.000 đồng, V cho rằng đã đưa hết số tiền này cho T1, số thuốc lá này H bán lại được 40.500.000 đồng. Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 10-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã kết án đối với bị cáo Trần Hữu Vi phạm T3 “Buôn bán hàng cấm” với tình tiết định khung tăng nặng “Thuốc lá điếu nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 32/2022/HSST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 07 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Hữu V về việc không đồng ý nộp số tiền 118.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, thấy rằng: bị cáo nhiều lần bán thuốc lá điếu nhập lậu cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H. Mặc dù bị cáo cho rằng khi bị cáo H đưa tiền cho bị cáo, bị cáo không có đếm lại, lần thứ nhất và lần thứ hai, mỗi lần bị cáo có lấy tiền công 1.000.000 đồng, số tiền còn lại để trên xe giao cho người thanh niên tên T1 nhận. Tuy nhiên, qua làm việc đối tượng Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) không thừa nhận và không có tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện bị cáo đã đưa số tiền này cho đối tượng T1. Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của bị cáo H, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định lần thứ nhất bị cáo H đã trả cho bị cáo 42.000.000 đồng, lần thứ hai bị cáo H đã trả cho bị cáo 39.000.000 đồng, lần thứ ba bị cáo H đã trả cho bị cáo 39.000.000 đồng. Tổng cộng 120.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo dùng vào việc mua bán thuốc lá điếu nhập lậu là tiền do phạm tội mà có và tiền thu lợi bất chính.

Vì vậy, buộc bị cáo giao nộp để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã giao nộp số tiền 2.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo tiếp tục nộp số tiền 118.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị buộc bị cáo Trần Hữu V giao nộp số tiền 118.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có và tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Buộc bị cáo Trần Hữu V nộp số tiền 118.000.000 đồng (một trăm mười tám triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Hữu V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp khác, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 6- Vĩnh Long (3b);
- VKSND khu vực 6- Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 6- Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn